ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

NGÔ VĂN HƯNG

PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM HÀNG HẢI

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

ĐÀ NẴNG, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Nga**

Phản biện 1: .....:.....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1.Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài 1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài 1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 2
5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 3
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn 4
7. Cơ cấu của luận văn 4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM HÀNG HẢI 5
1.1. Khái quát về bảo hiểm hàng hải và pháp luật về bảo hiểm hàng hải 5
1.1.1. Khái niệm bảo hiểm, bảo hiểm hàng hải 5
1.1.1.1. Khái niệm bảo hiểm 5
1.1.1.2. Khái niệm bảo hiểm hàng hải 6
1.1.2. Những rủi ro trong bảo hiểm hàng hải 7
1.2. Pháp luật về bảo hiểm hàng hải 7
1.2.1. Khái niệm pháp luật điều chỉnh bảo hiểm hàng hải 7
1.2.2. Nội dung của pháp luật điều chỉnh về bảo hiểm hàng hải 8
1.2.2.1. Chủ thể của hợp đồng bảo hiểm hàng hải 8
1.2.2.2. Hình thức của hợp đồng bảo hiểm hàng hải 8
1.2.2.3. Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm hàng hải 8
1.2.2.4. Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm hàng hải 9
Kết luận Chương 1 10
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM HÀNG HẢI 11
2.1. Chủ thể của hợp đồng bảo hiểm hàng hải 11
2.2. Hình thức hợp đồng bảo hiểm hàng hải 11
2.3. Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm hàng hải 11
2.4. Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm hàng hải 12
Kết luận Chương 2 13
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM HÀNG HẢI Ở VIỆT NAM 14
3.1. Định hướng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm hàng hải 14
3.1.1. Đảm bảo tính kế thừa trong các quy định của pháp luật bảo hiểm hàng hải quốc tế và trong nước 14
3.1.2. Đảm bảo tính phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật bảo hiểm Việt Nam 14
3.1.3. Phù hợp với pháp luật và thông lệ bảo hiểm hàng hải quốc tế dựa trên cơ sở thực tiễn hoạt động bảo hiểm hàng hải tại Việt Nam 14
3.2. Các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm hàng hải ... 15

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về chủ thể của hợp đồng bảo hiểm hàng hải.....15
3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về hình thức hợp đồng bảo hiểm hàng hải.....15
3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về đối tượng của hợp đồng bảo hiểm hàng hải.....15
3.2.4. Hoàn thiện pháp luật về chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm hàng hải....16
3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo hiểm hàng hải.16
3.3.1. Đối với các bên trong quan hệ hợp đồng bảo hiểm hàng hải.....16
3.3.1.1. Bên được bảo hiểm.....16
3.3.1.2. Doanh nghiệp bảo hiểm.....16
3.3.2. Đối với các cơ quan tố tụng trong việc giải quyết các tranh chấp về bảo hiểm hàng hải 17
Kết luận Chương 3 19
KẾT LUẬN 20

MỞ ĐẦU

1.Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Với sự phát triển và hội nhập sâu của hàng hải Việt Nam vào hoạt động hàng hải quốc tế đòi hỏi cần phải có các qui định pháp luật điều chỉnh phù hợp. Sự ra đời của Bộ luật hàng hải Việt Nam 2005 đánh dấu bước phát triển mới trong thị trường vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường biển ở Việt Nam.

Thực tế cho thấy, bên cạnh lợi thế thì vận tải bằng đường biển luôn tiềm ẩn những rủi ro có thể dẫn đến tổn thất và thiệt hại nặng nề. Các trường hợp bất khả kháng hay hành vi sai sót của các nhân viên hàng hải có thể gây ra những tổn thất rất lớn. Bảo đảm an toàn hàng hải và giảm thiểu tai nạn trên tàu là một vấn đề phức tạp, bao gồm nhiều khía cạnh như kỹ thuật, tổ chức, nhân sự, kinh tế và pháp lý. Trong đó, bảo hiểm hàng hải được xem là một biện pháp bảo đảm an toàn hiệu quả trong vận tải biển, vừa là một công cụ pháp lý vừa là một khái niệm kinh tế. Vận tải đường biển mang tính quốc tế, vì vậy bảo hiểm hàng hải cũng vượt ra ngoài lãnh thổ của một quốc gia.

Thực tiễn cho thấy việc nghiên cứu và hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hiểm hàng hải nhằm tạo nên một khung pháp lý an toàn, giải quyết tốt nhất vấn đề ý thức trách nhiệm của chủ tàu biển Việt Nam, người bảo hiểm; nâng cao năng lực canh tranh của các công ty bảo hiểm Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế là rất cần thiết. Xuất phát từ lý do trên, tác giả đã lựa chọn vấn đề *"**Pháp luật về bảo hiểm hàng hải**"* làm đề tài cho luận văn thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Bảo hiểm hàng hải là một lĩnh vực ít được quan tâm trong khoa học pháp lý ở Việt Nam. Dưới góc độ khoa học pháp lý, cho tới thời điểm này chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện các khía cạnh pháp lý về bảo hiểm hàng hải tại Việt Nam.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu khoa học nói tập trung ở việc nghiên cứu về bảo hiểm tài sản, bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu. Có ít công trình nghiên cứu toàn diện, có hệ thống các khía cạnh pháp lý về bảo hiểm hàng hải tại Việt Nam. Do đó, nghiên cứu đề tài này trong thời điểm hiện nay là việc làm không có sự trùng lặp với bất cứ công trình khoa học nào hiện có. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu nêu trên chính là tài liệu

vô cùng quý báu đã cung cấp các nghiên cứu các vấn đề lý luận về bảo hiểm hàng hải giúp tác giả trong việc nghiên cứu và hoàn thiện Luận văn thạc sĩ của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn hướng tới việc làm rõ lý luận và pháp luật về bảo hiểm hàng hải; nhận diện thực trạng khung pháp luật hiện hành về bảo hiểm hàng hải ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật bảo hiểm hàng hải ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, luận văn có những nhiệm vụ sau:

- Phân tích, làm rõ lý luận về bảo hiểm hàng hải như khái niệm, đặc điểm của bảo hiểm hàng hải

- Phân tích và đánh giá các qui định pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo hiểm hàng hải với các quy định của các công ước quốc tế về vận tải biển và so sánh với qui định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời, chỉ ra những điểm bất cập, hạn chế của pháp luật Việt Nam về bảo hiểm hàng hải.

- Trên cơ sở đánh giá thực trạng các quy định về bảo hiểm hàng hải đưa ra quan điểm và đề xuất những giải pháp cụ thể hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hiểm hàng hải

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Bảo hiểm hàng hải là một lĩnh vực tương đối phức tạp không chỉ đối với pháp luật Việt Nam mà ngay cả đối với các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong phạm vi Luận văn, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề pháp lý về bảo hiểm hàng hải theo Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09 tháng 12 năm 2000 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019; Bộ luật hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2017; và các hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan đến hoạt động bảo hiểm hàng hải.

Ngoài ra, Luận văn nghiên cứu các các quy định của các công ước quốc tế về vận tải biển và qui định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới, trên cơ

sở nghiên cứu so sánh các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo hiểm hàng hải với mục đích chỉ ra những điểm bất cập, hạn chế của pháp luật Việt Nam về bảo hiểm hàng hải, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian:* Luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật về bảo hiểm hàng hải theo pháp luật Việt Nam; Các công ước quốc tế, và pháp luật các quốc gia phát triển.

- *Về nội dung:* Bảo hiểm hàng hải là một lĩnh vực tương đối rộng và phức tạp, chứa đựng nhiều nội dung khác nhau, không chỉ đối với pháp luật Việt Nam mà ngay cả đối với các nước trong khu vực và trên thế giới. Do đó trong phạm vi luận văn tác giả tập trung nghiên cứu 04 nội dung*:* (1) Chủ thể hợp đồng bảo hiểm hàng hải; (2) Hình thức hợp đồng bảo hiểm hàng hải; (3) Đối tượng hợp đồng bảo hiểm hàng hải; (4) Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm hàng hải.

- *Về thời gian:* Khi đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo hiểm hàng hải. Luận văn lấy mốc từ năm 2015- năm Việt Nam ban hành Bộ luật hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. Do đó, các số liệu được sử dụng để nghiên cứu trong luận văn được cập nhật từ năm 2015 cho đến nay.

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận và phương pháp tiếp cận

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền, quán triệt đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước về cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong điều kiện nền kinh tế thị trường.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày: phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong Luận văn là sự kết hợp của các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý truyền thống như phân tích, tổng hợp, logic...và phương pháp so sánh pháp luật. Tùy từng chương, mỗi phương pháp sẽ được sử dụng kết hợp với các phương pháp khác hoặc được sử dụng với vai trò chủ đạo phù hợp nội dung nghiên cứu.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia, tập trung tham khảo ý kiến của một số nhà nghiên cứu liên quan đến pháp luật bảo hiểm hàng hải làm tiền đề đưa ra những quan điểm cá nhân về chế định này.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Việc nghiên cứu đề tài "***Pháp luật về bảo hiểm hàng hải"*** đóng góp khoa học về mặt lý luận và thực tiễn trong việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hiểm hàng hải. Từ việc tiếp cận, nghiên cứu và đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về bảo hiểm hàng hải theo quy định của các công ước quốc tế về vận tải biển, pháp luật Việt Nam. Luận văn góp phần làm rõ lý luận và thực tiễn trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm hàng hải.

Luận văn là tài liệu có giá trị phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực pháp luật về bảo hiểm hàng hải ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

***7.* Cơ cấu của luận văn**

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, nội dung chính được làm rõ theo kết cấu như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về bảo hiểm hàng hải.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hiểm hàng hải.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo hiểm hàng hải ở Việt Nam.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM HÀNG HẢI

1.1. Khái quát về bảo hiểm hàng hải và pháp luật về bảo hiểm hàng hải

1.1.1. Khái niệm bảo hiểm, bảo hiểm hàng hải

1.1.1.1. Khái niệm bảo hiểm

Thuật ngữ bảo hiểm trong tiếng Việt được hiểu theo các nghĩa: "*1. Giữ gìn, đề phòng tai nạn; 2. Bảo đảm bằng hợp đồng trả khoản tiền thỏa thuận khi có tai nạn, rủi ro nhất định xảy đến cho người được bảo hiểm (người được bảo hiểm phải đóng món tiền nhất định),...*". Trong lĩnh vực khoa học pháp lý, bảo hiểm là "*bảo đảm bằng hợp đồng, theo đó bên bảo hiểm sẽ chi trả tiền hoặc bồi thường vật chất khi xảy ra sự kiện do các bên thỏa thuận hoặc do pháp luật quy định trên cơ sở người tham gia bảo hiểm đóng phí bảo hiểm. Việc trả tiền hoặc bồi thường được thể hiện bằng một hợp đồng giữa tổ chức bảo hiểm và người bảo hiểm".*

Theo Dennis Kessler định nghĩa bảo hiểm là sự đóng góp của số đông vào sự bất hạnh của số ít

Theo Monique Gaullier định nghĩa bảo hiểm là một nghiệp vụ qua đó một bên là người được bảo hiểm cam đoan trả một khoản tiền gọi là phí bảo hiểm thực hiện mong muốn để cho mình hoặc để cho người thứ ba trong trường hợp xảy ra rủi ro sẽ nhận được một khoản tiền đền bù các tổn thất được trả bởi một bên khác đó là người bảo hiểm. Người bảo hiểm nhận trách nhiệm đối với toàn bộ rủi ro và đền bù các thiệt hại theo các phương pháp của thống kê;

Tập đoàn bảo hiểm AIG của Mỹ định nghĩa bảo hiểm là một cơ chế, theo cơ chế này, một người, một doanh nghiệp hay một tổ chức chuyển nhượng rủi ro cho công ty bảo hiểm, công ty đó sẽ bồi thường cho người được bảo hiểm các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm và phân chia giá trị thiệt hại giữa tất cả những người được bảo hiểm

Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) định nghĩa: "*Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm mục đích sinh lợi, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm, trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.*

Như vậy bảo hiểm là công cụ, phương thức đối phó rủi ro hiệu quả nhất nên việc ra đời của bảo hiểm là một đòi hỏi khách quan của đời sống xã hội

Từ các định nghĩa trên, theo tác giả có thể hiểu: "*Bảo hiểm là một hoạt động tạo lập quỹ bảo hiểm của bên bảo hiểm được hình thành chủ yếu từ phí bảo hiểm của bên mua bảo hiểm. Bên bảo hiểm sử dụng quỹ này để tiến hành chi trả cho bên mua bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra*".

1.1.1.2. Khái niệm bảo hiểm hàng hải

Theo nghĩa rộng, bảo hiểm hàng hải được xem là biện pháp bảo đảm nghĩa vụ theo hợp đồng ký kết giữa các chủ thể tham gia vận tải biển. Quan điểm này xuất phát từ chỗ cho rằng vận tải biển luôn đi cùng với những rủi ro có thể gây ra những thiệt hại vật chất lớn, thiệt hại về tính mạng và những thảm họa môi trường khó khắc phục cũng như những hậu quả khác và bảo hiểm hàng hải là nguồn bồi thường những thiệt hại gây ra cũng như giảm thiểu hay ngăn ngừa những tổn thất có thể lường trước

Như vậy, có nhiều loại bảo hiểm hàng hải khác nhau, nhưng có ba loại bảo hiểm hàng hải chính đó là:

i) Bảo hiểm thân và máy tàu (Hull and Machinery Insurance) là bảo hiểm những thiệt hại vật chất xảy ra đối với vỏ tàu, máy móc và các thiết bị trên tàu đồng thời bảo hiểm cước phí, các chi phí hoạt động của tàu và một phần trách nhiệm mà chủ tàu phải chịu trong trường hợp hai tàu đâm va nhau;

ii) Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu hay còn gọi là bảo hiểm dự phòng và bồi thường (P&I Insurance) là bảo hiểm cho các rủi ro liên quan đến những trách nhiệm và các chi phí theo luật định mà chủ tàu, người quản lý, người điều hành, người thuê tàu (không kể người thuê tàu chuyến) phải chi trả đối với các thiệt hại của người thứ ba do quá trình hoạt động của tàu, thuyền gây ra, bao gồm cả thiệt hại về con người và tài sản.

iii) Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường biển (Cargo Insurance) là bảo hiểm những rủi ro trên biển hoặc những rủi ro trên bộ, trên sông liên quan đến quá trình vận chuyển bằng tàu thuyền trên biển, gây ảnh hưởng đến các đối tượng chuyên chở do đó gây nên tổn thất về hàng hóa.

Từ các nghiên cứu trên, theo tác giả: Bảo hiểm hàng hải là hoạt động nhằm bảo vệ người được bảo hiểm nhằm phân tán các thiệt hại tài chính khỏi những rủi ro, biến cố, hiểm họa trong hoạt động hàng hải cho nhiều người gánh chịu để

người này không phải chịu ảnh hưởng tài chính quá lớn phát sinh bởi các rủi ro, thiệt hại đó gây ra**.**

1.1.2. Những rủi ro trong bảo hiểm hàng hải

Trong luật, Khoản 2, Điều 303 Bộ luật hàng hải năm 2015 định nghĩa rủi ro hàng hải là những rủi ro xảy ra liên quan đến hành trình đường biển, bao gồm các rủi ro của biển, cháy, nổ, chiến tranh, cướp biển, trộm cắp, kê biên, quản thúc, giam giữ, ném hàng xuống biển, trưng thu, trưng dụng, trưng mua, hành vi bất hợp pháp và các rủi ro tương tự hoặc những rủi ro khác được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

Cần lưu ý rằng, các rủi ro hàng hải liệt kê theo Khoản 2, Điều 303 Bộ luật hàng hải năm 2015 không phải là các rủi ro mặc nhiên được bảo hiểm trong các hợp đồng bảo hiểm hàng hải. Việc hợp đồng bảo hiểm đảm bảo cho những rủi ro nào tùy thuộc vào thỏa thuận giữa người mua bảo hiểm và người bảo hiểm. Thực tế, có nhiều hợp đồng bảo hiểm hàng hải chỉ nhận bảo hiểm cho một số rủi ro trong những rủi ro có thể được bảo hiểm kể trên.

1.2. Pháp luật về bảo hiểm hàng hải

1.2.1. Khái niệm pháp luật điều chỉnh bảo hiểm hàng hải

Thực tiễn cho thấy, tham gia vào hoạt động KDBH, bên được bảo hiểm cần có sự trợ giúp về tài chính cho tình trạng khó khăn. Đây là nhu cầu hoàn toàn hợp lý để giúp các chủ thể duy trì cuộc sống và thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường khi có rủi ro xảy ra. Vì vậy, quyền lợi của những người tiêu dùng sản phẩm bảo hiểm cần được một sự bảo trợ chặt chẽ từ phía Nhà nước. Một trong những đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm đó là bên bảo hiểm (doanh nghiệp bảo hiểm) là người soạn thảo ra hợp đồng, đặc biệt là phần điều kiện chung, phía người được bảo hiểm chỉ có thể tán thành hoặc từ chối. Hơn nữa việc tham gia vào quan hệ bảo hiểm ở một vài nghiệp vụ bảo hiểm lại có sự bắt buộc bởi pháp luật. Vì vậy nhà nước phải can thiệp vào các quan hệ bảo hiểm với tự cách là chủ thể quản lý bằng các quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bên và qua đó thiết lập trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực KDBH là việc làm cần thiết, và không thể thiếu;

Pháp luật điều chỉnh bảo hiểm hàng hải là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm hàng hải và các quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý nhà

nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm hàng hải nhằm mục đích bảo vệ người được bảo hiểm nhằm phân tán các thiệt hại tài chính khỏi những rủi ro, biến cố, hiểm họa trong hoạt động hàng hải cho nhiều người gánh chịu để người này không phải chịu ảnh hưởng tài chính quá lớn phát sinh bởi các rủi ro, thiệt hại đó gây ra**.**

1.2.2. Nội dung của pháp luật điều chỉnh về bảo hiểm hàng hải

Pháp luật về bảo hiểm hàng hải bao gồm các nội dung: Chủ thể hợp đồng bảo hiểm hàng hải, hình thức bảo hiểm hàng hải, đối tượng bảo hiểm hàng hải, chuyển nhượng trách nhiệm bảo hiểm hàng hải.

1.2.2.1. Chủ thể của hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Bộ luật hàng hải năm 2015 định nghĩa: "*Hợp đồng bảo hiểm hàng hải là hợp đồng bảo hiểm các rủi ro hàng hải, theo đó người được bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm theo thỏa thuận và người bảo hiểm cam kết bồi thường cho người được bảo hiểm những tổn thất hàng hải thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo cách thức và điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng*".

1.2.2.2. Hình thức của hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Bộ luật Hàng hải năm 2015 quy định hợp đồng bảo hiểm hàng hải phải được giao kết bằng văn bản. Như vậy, hợp đồng bảo hiểm hàng hải bắt buộc phải thiết lập bằng văn bản. Đồng thời, Bộ luật hàng hải năm 2015 quy định: "*Theo yêu cầu của người được bảo hiểm, người bảo hiểm có nghĩa vụ cấp đơn bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm cho người được bảo hiểm. Đơn bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm là bằng chứng về việc giao kết hợp đồng bảo hiểm hàng hải*"

1.2.2.3. Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Về nguyên tắc, người tham gia bảo hiểm bao giờ cũng hướng tới mục đích là được bên bảo hiểm khắc phục các tổn thất tài chính khi xảy ra rủi ro đối với tài sản, sức, khỏe hoặc tính mạng của người tham gia bảo hiểm. Rủi ro xảy ra ro có thể mang lại cho người tham gia bảo hiểm. Đối tượng bảo hiểm điều khoản cơ bản "*là điều khoản ghi nhận những nội dung cơ bản chủ yếu của hợp đồng. Về nguyên tắc các bên phải thảo thuận với nhau về điều khoản này thì hợp đồng mới được coi là đã được giao kết*"[1] của hợp đồng bảo hiểm.

[1] Bùi Thị Hằng Nga (2015), "tldd", tr. 122

1.2.2.4. Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Dưới góc độ luật thực định, Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) quy định: *"Bên mua bảo hiểm có thể chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm*. Việc chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực trong trường hợp bên mua bảo hiểm thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc chuyển nhượng và doanh nghiệp bảo hiểm có văn bản chấp thuận việc chuyển nhượng đó, trừ trường hợp việc chuyển nhượng được thực hiện theo tập quán quốc tế". Đây là thoả thuận mà theo đó, bên mua bảo hiểm có thể chuyển nhượng hợp đồng cho người khác. Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định việc chuyển nhượng phải được doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận bằng văn bản sau khi có văn bản đề nghị chuyển nhượng của bên mua bảo hiểm. Việc chuyển nhượng tạo điều kiện cho bên mua bảo hiểm rút lui khỏi hợp đồng nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp bảo hiểm và người thụ hưởng. Về nguyên tắc, người nhận chuyển nhượng là bên mua bảo hiểm kể từ thời điểm chuyển nhượng, do đó người này phải hội đủ các điều kiện của bên mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

Kết luận Chương 1

Trong phạm vi chương 1, tác giả đã khái quát hóa lý luận về bảo hiểm hàng hải và pháp luật về bảo hiểm hàng hải. Luận văn đã làm rõ các khái niệm then chốt trong bảo hiểm và bảo hiểm hàng hải từ khái niệm bảo hiểm; bảo hiểm hàng hải; rủi ro trong bảo hiểm hàng hải. Không dừng lại ở đó, luận văn còn làm phong phú hơn kho tàng lý luận về bảo hiểm hàng hải ở Việt Nam khi đề cập đến khái niệm và nội dụng pháp luật bảo hiểm hàng hải . Những khái quát lý luận trên sẽ là cơ sở cho việc nghiên cứu thưc trạng pháp luật về bảo hiểm hàng hải ở chương 2 của luận văn.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM HÀNG HẢI

2.1. Chủ thể của hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Chủ thể của hợp đồng là các bên tham gia vào một quan hệ hợp đồng, có thể là cá nhân hoặc pháp nhân. Trong một quan hệ hợp đồng, xuất hiện những cặp chủ thể tương ứng là người có quyền và người có nghĩa vụ. Trong hợp đồng bảo hiểm hàng hải, chủ thể của hợp đồng bao gồm bên được bảo hiểm và bên bảo hiểm (doanh nghiệp bảo hiểm). Điều này, xuất phát từ quan niệm hợp đồng bảo hiểm "*là sự thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm*".

2.2. Hình thức hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Như đã đề cập BLHH năm 2015 quy định hợp đồng bảo hiểm hàng hải phải được giao kết bằng văn bản. Như vậy, hình thức văn bản thực hiện hai chức năng cơ bản đó là (i) điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật; (ii) bằng chứng chứng minh sự tồn tại của hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp xảy ra tranh chấp. Thực ra, quy định về hình thức hợp đồng bảo hiểm hàng hải phải thiết lập bằng văn bản đã được quy định trong BLHH năm 2005.

Đồng thời, BLHH năm 2015 cũng quy định các hình thức khác ngoài bằng văn bản của hợp đồng bảo hiểm hàng hải như Đơn bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm được công nhận giá trị và được xem là bằng chứng về việc giao kết hợp đồng bảo hiểm hàng hải

2.3. Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Như đã đề cập, đối tượng của hợp đồng bảo hiểm hàng hải được quy định trong BLHH năm 2015. Nhìn chung, các đối tượng của bảo hiểm hàng hải được định nghĩa: "*là bất kỳ quyền lợi vật chất nào có thể quy ra tiền liên quan đến hoạt động hàng hải"*. Khái niệm này được BLHH năm 2015 tiếp thu từ quy định tại Điều 225 BLHH năm 2005. Có thể yếu tố" bất kỳ quyền lợi vật chất" là quy định mang tính "định tính", các chủ thể của hợp đồng bảo hiểm hàng hải có thể tự do thỏa thuận bất kỳ loại quyền lợi về vật chất mà các bên nhận thấy có thể chứa đựng các rủi ro trong quá trình hoạt động hàng hải. Các quyền lợi vật chất

rất đa dạng, có thể là các tổn thất về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động hàng hải như (i) tài sản bị mất mát, hủy hoại hoặc hư hỏng; (ii) các lợi ích thu được do sử dụng, khai thác tài sản; (iii) các chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại. Tuy nhiên yêu cầu đặt ra các quyền lợi vật chất này phải quy ra thành tiền, có nghĩa là những quyền lợi vật chất này phải được định giá thành một khoản tiền cụ thể.

2.4. Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Như đã đề cập, chuyển nhượng hợp đồng hàng hải về bản chất pháp lý là việc bên mua bảo hiểm chuyển giao toàn bộ các quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng bảo hiểm hàng hải đã ký kết với doanh nghiệp bảo hiểm cho bên thứ ba có nhu cầu, nhằm mục đích nhận về một khoản tiền nhất định theo thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng sẽ kế thừa tư cách pháp lý trong hợp đồng bảo hiểm hàng hải và trở thành một bên trong hợp đồng bảo hiểm, tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận trong hợp đồng với doanh nghiệp bảo hiểm. Như vậy, việc chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm hàng hải chính là việc bên chuyển nhượng "bán" quyền lợi của mình trong hợp đồng cho bên thứ ba thế quyền.

Kết luận Chương 2

Hợp đồng bảo hiểm hàng hải là hợp đồng bảo hiểm các rủi ro hàng hải, theo đó người được bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm theo thỏa thuận và người bảo hiểm cam kết bồi thường cho người được bảo hiểm những tổn thất hàng hải thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo cách thức và điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trong phạm vi chương 2 của luận văn đã đề cập một cách có hệ thống đến những vấn đề cơ bản nhất về hợp đồng bảo hiểm hàng hải, trên cơ sở đó đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về bảo hiểm hàng hải.

Những vấn đề được đặt ra và giải quyết trong Chương 2 dựa trên cơ sở bám sát các quy định về hợp đồng bảo hiểm và thực trạng áp dụng pháp luật về bảo hiểm hàng hải trong thực tiễn hoạt động hàng hải. Chính vì vậy, kết quả nghiên cứu ở Chương 2 không những có ý nghĩa đối với việc tìm kiếm các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm hàng hải ở Việt Nam ở Chương 3 mà còn có ý nghĩa đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm hàng hải của các DNBH trong thực tiễn .

Chương 3
ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM HÀNG HẢI Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm hàng hải

3.1.1. Đảm bảo tính kế thừa trong các quy định của pháp luật bảo hiểm hàng hải quốc tế và trong nước

Tờ trình Chính Phủ của Bộ GTVT (2013) Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 70/2013/QĐ-TTg ngày 19/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố danh mục phân loại cảng biển Việt Nam đã nhận định: " *Kế thừa những nội dung, quy định tại Quyết định số 70/2013/QĐ-TTg vẫn đang phù hợp; điều chỉnh, sửa đổi những nội dung còn bất cập, đặc biệt là cập nhật những nội dung mới của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015*".

3.1.2. Đảm bảo tính phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật bảo hiểm Việt Nam

Việc điều chỉnh hình thức, nội dung các quyền và nghĩa vụ của các bên, phạm vi hiểm hoạ được bảo hiểm, v.v... trong bảo hiểm hàng hải, trước hết phải được áp dụng các quy định về bảo hiểm hàng hải trong BLHH Việt Nam – với tư cách là văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp quan hệ hàng hải. Tuy nhiên, với tính chất "đặc thù" do đó, hoạt động bảo hiểm phải chịu sự điều chỉnh các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm về nguyên tắc cơ bản điều chỉnh hoạt động bảo hiểm, các chủ thể tham gia hoạt động bảo hiểm. quy định về hợp đồng bảo hiểm,… Do vậy, khi đưa ra các giải pháp cụ thể để hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm hàng hải phải trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật bảo hiểm Việt Nam hiện hành.

3.1.3. Phù hợp với pháp luật và thông lệ bảo hiểm hàng hải quốc tế dựa trên cơ sở thực tiễn hoạt động bảo hiểm hàng hải tại Việt Nam

Nghiên cứu cho thấy, trong quá trình xây dựng và hoàn thiện BLHH, các nhà lập pháp đã tham khảo các quy định về bảo hiểm hàng hải theo các tập quán thương mại hàng hải, pháp luật của các quốc gia có hoạt động thương mại hàng hải phát triển trên thế giới. Theo đó, Tập quán thương mại hàng hải quốc tế là những quy tắc xử sự được hình thành trong một thời gian dài, được áp dụng khá liên tục và có hệ thống, đồng thời được thừa nhận đông đảo của các quốc gia

trong lĩnh vực thương mại hàng hải. Điểm khác biệt lớn nhất giữa tập quán và pháp luật ở chỗ quá trình hình thành lâu, áp dụng có hệ thống và có tính thừa nhận rộng rãi nhưng lại không được ghi nhận ở đâu cả. Các tập quán liên quan đến hoạt động hàng hải thương mại có số lượng khổng lồ. Thực tế, mỗi tập quán có riêng một quá trình lịch sử của nó, thậm chí được áp dụng khác nhau ở mỗi quốc gia khác nhau, khu vực khác nhau. Tập quán chung: là tập quán được nhiều nước thừa nhận và áp dụng mọi nơi (INCOTERMS, UCP 600,...)

3.2. Các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm hàng hải

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về chủ thể của hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Để đảm bảo tính đặc thù của quan hệ bảo hiểm hàng hải và hợp đồng bảo hiểm hàng hải, pháp luật cần quy định rõ ràng về hậu quả pháp lý của việc vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin. Về nghĩa vụ cung cấp thông tin của DNBH đối với bên mua bảo hiểm không nên chỉ hiểu đơn thuần nghĩa vụ này chỉ dừng lại ở việc "*giải thích các điều khoản, điều kiện bảo hiểm, quyền và nghĩa của bên mua bảo hiểm"* mà phải được hiểu rộng hơn. Là chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm là "chuyên gia" trong lĩnh vực này, vì vậy DNBH phải cung cấp cả những tài liệu cần thiết cho việc đảm bảo an toàn của đối tượng bảo hiểm.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về hình thức hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Thứ nhất, bổ sung quy định các hình thức khác như điện báo, telex, fax và các hình thức khác do pháp luật quy định có giá trị pháp lý tương đương cũng được công nhận giá trị và xem là bằng chứng về việc giao kết hợp đồng bảo hiểm trong BLHH năm 2015, nhằm tạo sự thống nhất và tương thích giữa Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi bổ sung 2010) và BLHH năm 2015. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn hoạt động bảo hiểm hàng hải.

Thứ hai, hoàn thiện các quy định về xử lý hợp đồng bảo hiểm hàng hải vi phạm quy định về hình thức.

3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về đối tượng của hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Thứ nhất, Các quy định về đối tượng của hợp đồng bảo hiểm hàng hải là Tàu biển.

Thứ hai, các quy định về đối tượng của hợp đồng bảo hiểm hàng hải là hàng hóa vận chuyển bằng đường biển.

3.2.4. Hoàn thiện pháp luật về chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm hàng hải

Thứ nhất, quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động "*chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm"*.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung Điều 26 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010 về chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm)

3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo hiểm hàng hải

3.3.1. Đối với các bên trong quan hệ hợp đồng bảo hiểm hàng hải

3.3.1.1. Bên được bảo hiểm

Để nâng cao hiệu quả bảo hiểm hàng hải, trước tiên bên được bảo hiểm phải được phổ biến kiến thức về bảo hiểm hàng hải, được cập nhật kịp thời những thay đổi hay xu hướng mới trong bảo hiểm hàng hải, trên thế giới về phí bảo hiểm, về điều kiện bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, ..vv; với mục đích bên được bảo hiểm có thể chủ động lựa chọn cho mình những điều kiện bảo hiểm phù hợp và có lợi nhất. Bảo hiểm hàng hải với tính chất phức tạp, mang tính chuyên môn cao và giá trị lại thường lớn, do đó cần tuyên truyền để bên được bảo hiểm hiểu được lợi ích khi ký kết thông qua môi giới, đại lý. Chi phí cho đại lý không nhiều, trong khi bên được bảo hiểm sẽ có được những điều kiện bảo hiểm có lợi nhất, phù hợp nhất.

Đồng thời, Hiệp hội đại lý và môi giới hàng hải Việt Nam (VISABA) tích cực phối hợp với Hiệp Hội Bảo Hiểm Việt Nam (IVA) tăng cường tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức về bảo hiểm hàng hải, các thông tin về giá cả, xu hướng của bảo hiểm hàng hải thế giới cho bên được bảo hiểm trong thời gian tới.

3.3.1.2. Doanh nghiệp bảo hiểm

Thứ nhất, tăng cường trao đổi thông tin giữa người mua bảo hiểm và DNBH trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, DNBH phải định kỳ hoặc thường xuyên công khai các thông tin về bản thân DNBH như năng lực tài chính, các nghiệp vụ nhận bảo hiểm, khả năng thanh toán, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho bên mua bảo hiểm còn người mua bảo

hiểm phải có nghĩa vụ cung cấp toàn bộ các thông tin có liên quan đến đối tượng bảo hiểm cho bên bảo hiểm, tại thời điểm ký hợp đồng bảo hiểm và thường xuyên cung cấp các thông tin về đối tượng bảo hiểm cho bên bảo hiểm trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng như các vấn đề có nghi vấn hỏng hóc máy tàu; thời gian, lịch trình chạy tàu; phương thức bốc, dỡ hàng hoá; địa điểm xuất phát, làm hàng và nơi đến; diễn biến thời tiết và các nguy cơ khác có khả năng làm tăng rủi ro cho đối tượng bảo hiểm. Nếu có bất kỳ thông tin nào có thể làm tăng rủi ro cho bên bảo hiểm mà bên mua bảo hiểm biết song không cung cấp, thông báo hoặc thông báo chậm trễ cho bên bảo hiểm thì sau này nếu bên bảo hiểm biết được sẽ có quyền đơn phương huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm đã ký và không phải bồi thường tổn thất phát sinh.

Thứ hai, bảo hiểm hàng hải là lĩnh vực có tính quốc tế cao, lại phức tạp, thị trường bảo hiểm luôn có nhiều biến động. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp bảo hiểm phải đầu tư để nghiên cứu thị trường, đánh giá rủi ro để từ đó đưa ra những chính sách phù hợp. Doanh nghiệp bảo hiểm cũng phải thường xuyên tiếp cận, nắm vững các quy định pháp luật, đặc biệt là pháp luật bảo hiểm hàng hải trong nước, pháp luật bảo hiểm hàng hải quốc tế và pháp luật về tài chính, kỹ thuật trong lĩnh vực bảo hiểm hàng hải.

3.3.2. Đối với các cơ quan tố tụng trong việc giải quyết các tranh chấp về bảo hiểm hàng hải

Thứ nhất, TAND cần tăng cường ban hành các "án lệ" làm cơ sở để giải quyết một số vụ tranh chấp phức tạp, điển hình về bảo hiểm hàng hải. Khái niệm án lệ được định nghĩa tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết số 03/2015. Điều 1 của Nghị quyết số 03/2015 định nghĩa: "*Án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Toà án nhân dân tối cao công bố là án lệ để các Toà án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử*". Điều 2, Nghị quyết 03/2015 quy định tiêu chí được lựa chọn để trở thành án lệ phải đáp ứng được các tiêu chí 03 tiêu chí: (i) Chứa đựng lập luận để làm rõ quy định của pháp luật còn có cách hiểu khác nhau; phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên tắc, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng trong một vụ việc cụ thể; (ii) Có tính chuẩn mực; (iii) Có giá trị hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử, bảo đảm

những vụ việc có tình tiết, sự kiện pháp lý như nhau thì phải được giải quyết như nhau.

Thứ hai, thành lập Tòa án chuyên trách về hàng hải. Việc này không chỉ giúp việc xét xử các tranh chấp bảo hiểm hàng hải có tính chuyên môn hơn, thuận lợi hơn, tạo tâm lý yên tâm cho các bên tham gia bảo hiểm hàng hải, mà thông qua đó còn góp phần nâng cao hiệu quả bảo hiểm hàng hải, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Nghiên cứu so sánh cho thấy, một số quốc gia điển hình như Trung Quốc đã thành lập Toà án hàng hải để giải quyết các tranh chấp về hoạt động hàng hải.

Thứ ba, đối với những vụ án tranh chấp bảo hiểm hàng hải loại mới, có tình tiết phức tạp, thì cần thiết phải có sự trao đổi nghiệp vụ thống nhất giữa các cấp toà án và giữa toà án với các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành như Cục Đăng Kiểm, Cục Hàng hải, Hiệp hội chủ tàu.

Thứ tư, xây dựng đội ngũ thẩm phán chuyên việc xét xử các tranh chấp thương mại hàng hải. Thực tiễn hoạt động xét xử cho thấy, sự hiểu biết và vận dụng pháp luật về hàng hải trong xét xử của toà án Việt Nam còn nhiều hạn chế: Về chuyên môn, đội ngũ thẩm phán nước ta hiện nay chưa thực sự là lực lượng tiêu biểu về trình độ am hiểu và nắm vững pháp luật, đặc biệt là về pháp luật hàng hải quốc tế; năng lực nghiệp vụ cũng như kiến thức thực tiễn về hàng hải còn hạn chế dẫn đến việc vận dụng pháp luật vào thực tế còn tùy tiện, kém hiệu quả, chưa đảm bảo được quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, yêu cầu cấp thiết cần phải nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho các thẩm phán xét xử án bảo hiểm hàng hải thông qua việc triển khai thực hiện các chương trình tập huấn, đào tạo về pháp luật bảo hiểm hàng hải. Những thẩm phán này phải được đi thực tế, tập huấn nghiệp vụ chuyên ngành về: biển, hàng hải, ngoại thương, tài chính, kỹ thuật tàu biển, hải dương học để có kiến thức sâu rộng khi giải quyết các vụ án phức tạp về bảo hiểm hàng hải.

Kết luận Chương 3

Mục tiêu hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hiểm hàng hải là sự nỗ lực của cộng đồng nhằm tạo thuận lợi và khuyến khích thúc đẩy các quan hệ thương mại hàng hải quốc tế. Chương 3 của Luận văn đã tập trung phân tích các yêu cầu cơ bản đối với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, quan điểm phương hướng hoàn thiện các quy định về bảo hiểm hàng hải Việt Nam.

Trên cơ sở phân tích những thực trạng các quy định của hệ thống pháp luật hiện hành về bảo hiểm hàng hải Việt Nam tại Chương 2, nội dung Chương 3 đã đưa ra các đề xuất và các giải pháp hoàn thiện các nội dung của Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2015 về hợp đồng bảo hiểm hàng hải cần tiếp tục được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung hoặc cụ thể hóa để đảm bảo tính khả thi.

Đồng thời, Luận văn cũng đã đề xuất các giải pháp nâng cao nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo hiểm hàng hải. Về phía các công ty bảo hiểm Việt Nam phải tự hoàn thiện mình, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, cải tiến các sản phẩm cho phù hợp hơn với các yêu cầu của khách hàng. Về phía cơ quan tiến hành tố tụng cần tăng cường ban hành các "án lệ" làm cơ sở để giải quyết một số vụ tranh chấp phức tạp, điển hình về bảo hiểm hàng hải, bên cạnh đó nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho các thẩm phán xét xử án bảo hiểm hàng hải

KẾT LUẬN

Pháp luật về bảo hiểm hàng hải là lĩnh vực pháp luật đặc thù, nó vừa mang tính chất liên ngành, vừa mang tính chất tập quán, quốc tế phổ biến. Do vậy, pháp luật và tập quán bảo hiểm hàng hải của những nước có nền hàng hải phát triển thường được các bên thoả thuận áp dụng để điều chỉnh. Điều này đã gây ra không ít những khó khăn cho các bên Việt Nam trong việc thiết lập các giao dịch hợp đồng bảo hiểm hàng hải cũng như cho các cơ quan tài phán của Việt Nam khi giải quyết tranh chấp.

Hơn nữa, trong thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hiểm hàng hải,các văn bản pháp luật điều chỉnh về bảo hiểm hàng hải đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập gây khó khăn cho cho việc thực hiện hợp đồng, đồng thời gây bất lợi cho sự phát triển của nền kinh tế. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã gặp không ít khó khăn trong việc tìm hiểu các quy định của luật thực định về bảo hiểm hàng hải, so sánh và đối chiếu các quy định về hợp đồng bảo hiểm hàng hải của pháp luật Việt Nam với pháp luật, và tập quán bảo hiểm hàng hải quốc tế.

Luận văn cơ bản đã giải quyết được những vấn đề lý luận đặt ra, góp phần hoàn thiệc những khái niệm cơ bản về bảo hiểm hàng hải và pháp luật về bảo hiểm hàng hải . Luận văn đã đề cập một cách có hệ thống đến những vấn đề cơ bản nhất về hợp đồng bảo hiểm hàng hải, trên cơ sở đó đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về bảo hiểm hàng hải. Từ đó phát hiện những hạn chế, bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong quy định của pháp luật Việt Nam về b bảo hiểm hàng hải nhằm đề xuất những giải pháp phù hợp.

Trên cơ sở tham khảo những nghiên cứu, tổng kết của các cơ quan chức năng, ý kiến của các chuyên gia, tác giả luận văn đã mạnh dạn đưa ra các đề xuất và các giải pháp hoàn thiện các nội dung của Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2015 về hợp đồng bảo hiểm hàng hải cần tiếp tục được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung hoặc cụ thể hóa để đảm bảo tính khả thi. Qua đó thúc đẩy phát triển thị trường bảo hiểm hàng hải Việt Nam, đảm bảo sự cạnh tranh có hiệu quả của các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm Việt Nam trong bối cảnh hội nhập với sự cạnh tranh khốc liệt từ phía các DNBH nước ngoài. Việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hiểm hàng hải cũng chính là gián tiếp thúc đẩy phát triển đội tàu biển quốc gia, đảm bảo sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tàu biển Việt Nam.